TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 568A/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2025

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Từ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Mão và ông Hồ Bá Võ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan – Kiểm sát viên

Vào ngày 26/9/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 465/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2025 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 691/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị H, sinh năm 1975. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm Yên Viên, xã Tiến Thành, huyện Yên Thành (nay là xã Bình Minh), tỉnh Nghệ An. Địa chỉ hiện nay: D138, Jalan Cendana 4/4, Kawasan Perindustrian Cendana, 08000 Sungai Petani, Kedah, Malaysia. Số căn cước công dân: 040175025869. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Tạ Văn T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Xóm Yên Viên, xã Tiến Thành, huyện Yên Thành (nay là xã Bình Minh), tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chu Thị H trình bày: chị Chu Thị H và anh Tạ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1993 tại UBND xã Mã Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau khá hạnh phúc. Trong quá trình chung sống với nhau, thi thoảng giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhưng vì con cái nên vẫn cố gắng hàn gắn mâu thuẫn để không đi đến đỉnh điểm. Đầu năm 2016, chị H đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, vợ chồng vẫn liên lạc với nhau. Tuy nhiên sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Năm 2019, chị H về nước để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành nên đã quay lại Malaysia để tiếp tục làm việc. Đến khoảng năm 2020, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày

càng trở nên căng thẳng do quan điểm sống khác nhau, kết hợp với khoảng cách địa lý nên giữa hai vợ chồng không có sự chia sẻ, cảm thông cho nhau. Năm 2023, chị H về nước một lần nữa, nhưng mâu thuẫn giữa hai bên vẫn không cải thiện, trái lại còn phát sinh thêm nhiều mâu thuẫn khác nên chị H lại tiếp tục sang lai Malaysia. Từ đó đến nay, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Văn T. Hiện nay, chị H đang lao động tại Malaisia, giấy đăng ký kết hôn của vợ chồng đang được anh Tạ Văn T cất giữ vì vậy chị không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn cho Tòa án.

Về con chung: chị Chu Thị H và anh Tạ Văn T có 04 con chung là cháu Tạ Thị Th, sinh ngày 25/11/1994; cháu Tạ Thị Tr, sinh ngày 22/8/1998; cháu Tạ Đình V, sinh ngày 16/11/2003; cháu Tạ Đình Tr, sinh ngày 13/01/2006. Do các cháu đều đã thành niên nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Chu Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Tạ Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, công văn yêu cầu anh Tạ Văn T có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, … cho anh Tạ Văn T nhưng anh T từ chối nhận văn bản của Tòa án; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nêu trên tại trụ sở UBND xã Tiến Thành, huyện Yên Thành (nay là xã Bình Minh), tỉnh Nghệ An là nơi cư trú của anh T nhưng hiện tại anh Tạ Văn T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nên chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị H. Về con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành, chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu. Chị Chu Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, ý kiến của kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Chu Thị H hiện đang ở nước ngoài. Bị đơn anh Tạ Văn T có địa chỉ tại xóm Yên Viên, xã Tiến Thành,

huyện Yên Thành (nay là xã Bình Minh), tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Tạ Văn T đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; chị Chu Thị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị H và anh Tạ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1993 tại xã Mã Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2016, chị H đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, năm 2019 thì về nước để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không thành nên chị tiếp tục quay lại Malaysia. Đến năm 2020 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng do bất đồng quan điểm sống và khoảng cách địa lý nên hai vợ chồng không có sự chia sẻ, cảm thông cho nhau. Năm 2023, chị H về nước một lần nữa, nhưng mâu thuẫn giữa hai bên vẫn không cải thiện, trái lại còn phát sinh thêm nhiều mâu thuẫn khác nên chị H lại tiếp tục sang lai Malaisia. Từ đó đến nay, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Tại Đơn xin sao lục đăng ký kết hôn ngày 30/5/2025, UBND xã Mã Thành, huyện Yên Thành xác nhận: Qua kiểm tra, xác minh sổ đăng ký kết hôn được lưu trữ tại UBND xã Mã Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An không có thông tin đăng ký kết hôn của anh Tạ Văn T và chị Chu Thị H. Nên có cơ sở xác nhận anh T, chị H có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Chu Thị H và anh Tạ Văn T.

[3] Về con chung: chị Chu Thị H và anh Tạ Văn T có 04 con chung là cháu Tạ Thị Th, sinh ngày 25/11/1994; cháu Tạ Thị Tr, sinh ngày 22/8/1998; cháu Tạ Đình V, sinh ngày 16/11/2003; cháu Tạ Đình Tr, sinh ngày 13/01/2006. Do các con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Chu Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, hiện nay anh Tạ Văn T chưa có ý kiến nên Tòa án chưa có cơ sở để xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Chu Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 37; 40; 147; 227; 228; 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Chu Thị H và anh Tạ Văn T.

2. Về con chung: chị Chu Thị H và anh Tạ Văn T có 04 con chung là cháu Tạ Thị Th, sinh ngày 25/11/1994; cháu Tạ Thị Tr, sinh ngày 22/8/1998; cháu Tạ Đình V, sinh ngày 16/11/2003; cháu Tạ Đình Tr, sinh ngày 13/01/2006. Do các con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Chu Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007920 ngày 05/6/2025. Chị Chu Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Anh Tạ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Chị Chu Thị H đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Bình Minh;
- Lưu HSVA, Tòa GĐ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Từ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thường **Dương Thanh Cảnh** **Nguyễn Thị Thu Từ**